TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 6 - 2019
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Lục Thùy L sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, Xã Ph, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Anh Lê Thống N sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/02/2019, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Lục Thùy L trình bày:

Chị và anh Lê Thống N tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2011. Đến năm 2012 thì anh, chị có đi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, anh còn mang cầm cố cả xe máy của chị để lấy tiền ăn chơi. Bên cạnh đó, anh N còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nhiều lần chị khuyên anh nhưng anh không sửa đổi được nên anh chị ly thân nhau từ cách đây khoảng hai năm.

Về con chung gồm có: Cháu Lê Ngọc Diệu H, sinh ngày 23/7/2012; Lê Ngọc Gia H1, sinh ngày 04/12/2013; Lê Quốc K, sinh ngày 04/5/2016. Từ khi ly thân đến nay, tất cả các cháu đều do chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi các cháu H, H1, K, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thống N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nvắng mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N thấy rằng chị L và anh Ntự nguyện tổ chức đám cưới và có đi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ theo đúng quy định nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Lxác định thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nh thường xuyên tụ tập bạn bè, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Ngoài ra, anh còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh đều không sửa đổi được. Do anh, chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên cả hai đã ly thân nhau khoảng hai năm nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án anh Nhất được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt tại Tòa để cho biết ý kiến, điều đó cũng đủ cho thấy bản thân anh Nkhông có thiện chí muốn hàn gắn được đoàn tụ. Ngoài ra, ý kiến của bà Trần Kim O (mẹ ruột của anh N) đã cho biết anh N và chị L có phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, bà có khuyên can nhưng không được và cả hai đã ly thân nhau hai năm nay, anh N đi làm ăn ở xa, bà có thông báo cho anh N biết việc Tòa án triệu tập anh Nđến Tòa nhưng anh N không về được tuy nhiên anh thể hiện ý kiến thống nhất ly hôn. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa anh N, chị L đã trầm trọng, thời gian ly thân đã khá dài, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn lại được nên yêu cầu xin được ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin được nuôi con của chị L thấy rằng từ khi ly thân đến nay, các cháu Lê Ngọc Diệu H, Lê Ngọc Gia H1, Lê Quốc K đều do chị L nuôi dưỡng, các cháu đã gắn bó và có cuộc sống ổn định với mẹ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh N không có bất cứ ý kiến, yêu cầu được nuôi con. Nhằm để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị L được nuôi các cháu Lê Ngọc Diệu H, Lê Ngọc Gia H1, Lê Quốc K. Anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh N không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lục Thùy L và anh Lê Thống N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lục Thùy L được nuôi dưỡng các cháu Lê Ngọc Diệu H, sinh ngày 23/7/2012; Lê Ngoc Gia H1, sinh ngày 04/12/2013 và Lê Quốc K, sinh ngày 04/5/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh N không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lục Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0018062 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ